TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 5 năm 2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên toà: Bà Lê Thị Thu Huyền;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm.
- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Pt ham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1992; ĐKHKTT: Tổ 36, khu 4, phường N, TP. V, tỉnh P. Hiện đang ở Nhật Bản

Bị đơn: Chị Đàm Thị H, sinh năm 1993; ĐKHKTT: Tổ 36, khu 4, phường N, TP. V, tỉnh P.

(Anh N và chị Hđều xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Đức N trình bày: Anh và chị Đàm Thị H đăng ký k ết hôn ngày 23/6/2015 tại UBND phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên tự do tìm hi ểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ của anh tại tổ 36, khu 4, phường N, TP. V, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận , hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nha u, bất đồng quan điểm sống. Năm 2015 anh đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đàm Thị H.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức N xác định v ợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đàm Tuấn K , sinh ngày 28/02/2016. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Anh đồng ý nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung của chị H là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/ 01 tháng, kể từ tháng 12 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Trong thời gian anh N ở

nước ngoài bố mẹ đẻ anh N là ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Hồng Tsẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu K cho đến khi anh N về Việt Nam đón cháu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp : Anh N xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh N yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn chị Đàm Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức N đăng ký kết hôn ngày 23/6/2015 tại UBND phường N, thành phố V, tỉnh P. Trước khi kết hôn hai bên tự do tìm hi ểu, đăng ký kết h ôn tự nguyện , không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ của anh tại tổ 36, khu 4, phường N, TP. V, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn . Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau , bất đồng quan điểm sống. Năm 2015 anh N đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản, hiện nay anh N vẫn ở Nhật Bản. Nay anh N xin ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn với anh N và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết cho chị ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị Đàm Thị H xác định v ợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đàm Tuấn K, sinh ngày 28/02/2016. Khi ly hôn chị đồng ý để anh N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, đồng ý để ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Hồng T (Là bố mẹ đẻ của anh N) sẽ chăm sóc và nuôi dư ỡng cháu K cho đến khi anh N về Việt Nam đón cháu . Chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng, kể từ tháng 12 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị Đàm Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Việm ki ểm sát phát biểu quan điểm : Về tố tụng : Việc chấp hành pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức N và chị Đàm Thị H . Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đàm Tuấn K , sinh ngày 28/02/2016 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Kiệt thành niên.Trong thời gian anh N ở nước ngoài bố mẹ đẻ anh N là ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Hồng T sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu K cho đến khi anh N về Việt Nam đón cháu . Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đương sự không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật của chị Đàm Thị H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu , chứng cứ trong hồ sơ vụ án , được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sá t tại phiên Tòa. Tòa án nhân dân tỉnh nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Đức N khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết cho anh được ly hôn chị Đàm Thị H là quan hệ "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong đơn xin ly hôn, anh N trình bày hiện anh đang sống và làm việc tại Nhật Bản. Tại văn bản số 546/QLXNC-P5 ngày 20/12/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (Bút lục 24) xác nhận "Anh Nguyễn Đức N đã xuất cảnh, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước". Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung

[2]. Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Đức N và chị Đàm Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố V, tỉnh P ngày 23/6/2015. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, hai bên không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N và chị H đều thống nhất thuận tình ly hôn. Tòa án xem xét công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức N và chị Đàm Thị H. Hiện tại anh Nguyễn Đức N đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, đơn đề nghị đề ngày 16/02/2020 của anh N không được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Điều 124 Luật hôn nhân và gia đình. Theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng T (Là mẹ đẻ của anh N), Tòa án nhân dân tỉnh P đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P giám định chữ viết, chữ ký trong đơn đề nghị mà anh N gửi về từ Nhật Bản. Căn cứ kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ, đã kết luận: "Chữ ký đứng tên Nguyễn Đức N dưới mục "Người viết đơn" trên "Đơn đề nghị" (Tài liệu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Đức N dưới mục "Bên ủy quyền" trên "Giấy ủy quyền hoàn tất thủ tục ly hôn" (Tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng một người ký ra.Từ đó đủ cơ sở khẳng định việc anh Nguyễn Đức N thuận tình ly hôn với chị Đàm Thị H là hoàn toàn tự nguyện.

[3].Về con chung: Giao anh Nguyễn Đức N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là con chung là cháu Nguyễn Đàm Tuấn K, sinh ngày 28/02/2016. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị Đàm Thị H cùng anh Nguyễn Đức N là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/ 01 tháng, kể từ tháng 12 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Trong thời gian anh N ở nước ngoài bố mẹ đẻ anh N là ông Nguyễn Mạnh Hvà bà Nguyễn Thị Hồng T sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu K cho đến khi anh N về Việt N đón cháu.

[4]. Về tài sản chung, công nợ và về công sức đóng góp: Anh Nguyễn Đức N và chị Đàm Thị H đều xác nhận không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Đàm Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[6]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; Điều 81, 82, 83; Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147 ; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức N và chị Đàm Thị H.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đàm Tuấn K , sinh ngày 28/02/2016 cho anh Nguyễn Đức N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Đàm Thị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Đức N là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/ 01 tháng, kể từ tháng 12 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên . Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Trong thời gian anh N ở nước ngoài bố mẹ đẻ anh N là ông Nguyễn Mạnh Hvà bà Nguyễn Thị Hồng Tsẽ chăm sóc và nuôi dướng cháu K cho đến khi anh N về Việt N đón cháu.

Không ai có quyền cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

[3].Về tài sản chung , công nợ, công sức đóng góp : Anh Nguyễn Đức N và chị Đàm Thị H thống nhất xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4].Về án phí: Chị Đàm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0004018 ngày 26/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị Đàm Thị H còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND P. N, TP. V
- Các đương sự;
- Lưu: HS- AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thu Huyền